

PHỤ LỤC 1

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG (TRỪ MÁY MÓC, THIẾT BỊ CHUYÊN DỤNG TRONG LĨNH VỰC Y TẾ, GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO)

LĨNH VỰC: NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
I	Sở Nông nghiệp và Môi trường		
1	Đo mực nước và nhiệt độ	Cái	1
2	Máy ảnh (phục vụ công tác kiểm tra hiện trường lĩnh vực Tài nguyên nước và Khí tượng thủy văn)	Cái	1
3	Máy scan A3 (phục vụ công tác lưu trữ tài liệu, thống kê, kiểm kê trữ lượng khoáng sản)	Cái	1
4	Thiết bị đo UAV (drone)	Hệ thống	1
II	Chi Cục Kiểm Lâm		
1	Ống nhôm	Cái	54
2	Ống nhôm ban đêm	Cái	52
3	Máy định vị	Cái	200
4	Bể chứa nước (Chất liệu composite, được lắp ráp tại chỗ bằng các tấm Panel, hệ thống giầy dăng bên trong bằng inox 304, bulong và đệm bên trong inox 304, tháo dỡ dễ dàng cho việc di chuyển cơ động, thể tích 36m ³ trở lên, các phụ kiện bên ngoài bằng thép mạ kẽm nóng)	Hệ thống	5
5	Bồn chứa nước (30.000 lit) (Bồn chứa nước chuyên dụng chữa cháy rừng di động, chất liệu PVC bền chắc được phủ nylon, chống chịu được các điều kiện khắc nghiệt bên ngoài môi trường, dễ dàng gấp gọn và bảo quản)	Bộ	26
6	Tủ kính trưng bày mẫu vật (Động vật rừng) (Khung tủ bằng gỗ, 2 tầng; Mặt kính xung quanh bằng kính 5 ly; Kích thước tủ: cao 1,5m, rộng 0,7m, dài 3m)	Cái	1
7	Máy Flycam	Cái	29
8	Bẫy ảnh tự động	Cái	5
9	Cửa xăng	Cái	26
10	Hệ thống phát hiện sớm cháy rừng	Hệ thống	1
11	Bảng cấp dự báo cháy rừng tự động	Cái	27
12	Bình chữa cháy đeo vai	Cái	26

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
13	Chuồng sắt nuôi, nhốt động vật hoang dã (Cao 1,9m, rộng 1,1m, dài 3,7m)	Cái	24
14	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	29
15	Máy cắt thực bì	Cái	130
16	Máy thổi gió đeo vai	Cái	144
17	Bộ loa tuyên truyền lưu động BVR và PCCCR	Bộ	27
18	Hệ thống thiết bị ghi âm, ghi hình có âm thanh cơ động (Thiết bị ghi hình có âm thanh cơ động, Thiết bị ghi âm cơ động, Tủ bảo quản thiết bị và lưu trữ kết quả ghi âm, ghi hình có âm thanh)	Hệ thống	26
19	Máy bơm chữa cháy chuyên dụng + phụ kiện	Cái	3
20	Máy bơm nước vác vai	Cái	104
21	Máy đo độ cao điểm cháy bằng laze	Cái	3
22	Máy in bản đồ màu (A0)	Cái	1
23	Máy quay camera	Cái	26
24	Máy Scan A3 (phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng)	Cái	1
25	Máy tính bảng cài phần mềm bản quyền điều khiển bay chuyên dụng	Cái	25
26	Máy vi tính xách tay chuyên dùng ứng dụng GIS	Cái	2
27	Máy vi tính để bàn chuyên dùng ứng dụng công nghệ GIS	Bộ	2
III	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật		
1	Kính hiển vi ba mắt	Cái	1
2	Máy li tâm điện	Cái	1
3	Máy đo độ pH cầm tay	Cái	1
4	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	1
5	Tủ sấy	Cái	1
6	Tủ định ôn	Cái	1
7	Máy phân tích đất	Cái	1
8	Máy lắc ngang điện tử	Cái	1
9	Máy đếm khuẩn lạc	Cái	1
10	Tủ cấy vi sinh đôi	Cái	1
11	Bể điều nhiệt	Cái	1
12	Kính soi nổi	Cái	2
13	Kính hiển vi (có gắn máy ảnh kỹ thuật số)	Cái	2
14	Tủ sấy	Cái	2
15	Tủ lạnh dung tích trên 450 lít dùng để bảo quản mẫu	Cái	2
16	Máy ảnh	Cái	1
17	Máy quay phim	Cái	1
IV	Chi cục Chăn nuôi và Thú y		

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
1	Cân phân tích	Cái	1
2	Kính hiển vi sinh học 3 mắt	Cái	1
3	Máy nước cất 2 lần	Cái	1
4	Máy đếm khuẩn lạc	Cái	1
5	Máy trao đổi ion	Cái	1
6	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	1
7	Nồi hấp tiệt trùng tự động (85 lít)	Cái	1
8	Tủ ấm	Cái	1
9	Tủ hút khí độc	Cái	1
10	Tủ lạnh âm (-30 độ)	Cái	2
11	Tủ lạnh bảo quản mẫu (loại lớn)	Cái	2
V	Chi cục Thủy sản		
1	Tủ an toàn sinh học	Cái	1
2	Máy Real time PCR	Cái	1
3	Máy vi tính xách tay (hệ thống máy RT-PCR 7500)	Cái	1
4	Máy in màu	Cái	1
5	Máy ly tâm lạnh	Cái	1
6	Máy ly tâm thường	Cái	1
7	Tủ ấm	Cái	1
8	Kính hiển vi chuyên dụng	Cái	1
9	Máy đo pH để bàn	Cái	1
10	Máy nghiền mẫu thủy sản (để tách chiết mẫu)	Cái	1
11	Máy khuấy từ	Cái	1
12	Nồi hấp ướ	Cái	1
13	Buồng thao tác PCR, UVP cabinet	Cái	1
14	Tủ lạnh âm (-20 độ)	Cái	1
15	Tủ lạnh	Cái	1
16	Máy ủ lắc	Cái	1
17	Cân phân tích	Cái	1
18	Tủ sấy	Cái	1
19	Máy đo NH ₃ , H ₂ S HACH DR2400	Cái	1
20	Máy đo pH cầm tay	Cái	1
21	Máy đo hiện trường	Cái	1
22	Máy chụp ảnh	Cái	1
23	Máy cắt lát tế bào	Cái	1
24	Máy nước cất 2 lần	Cái	1
25	Tủ hút độc	Cái	1
26	Máy định vị vệ tinh (DGPS Heading)	Cái	1
27	Máy đo sâu hồi âm, đơn tia 01 tần số	Cái	1

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
28	Máy vi tính chuyên dụng và phần mềm thủy đặc (phục vụ công tác giao khu vực biển)	Cái	1
VI	Chi cục Thủy lợi		
1	Bộ phát wifi di động chuyên dùng phục vụ cán bộ công tác hiện trường đáp ứng yêu cầu an toàn khi thiên tai đang xảy ra	Bộ	1
2	Điện thoại vệ tinh phục vụ liên lạc khẩn cấp trong tình huống thiên tai	Cái	20
3	Máy ảnh, máy quay phim chuyên dùng các loại đáp ứng yêu cầu hoạt động an toàn khi thiên tai đã, đang xảy ra	Bộ	1
4	Máy phát điện công suất lớn duy trì nguồn điện phục vụ chỉ đạo, chỉ huy phòng, chống thiên tai	Cái	1
5	Máy chủ phục vụ lưu trữ thông tin phòng, chống thiên tai	Cái	1
6	Máy vi tính để bàn cấu hình cao để cài đặt các phần mềm chuyên dùng phòng, chống thiên tai	Bộ	2
7	Máy vi tính xách tay cấu hình cao để cài đặt các phần mềm chuyên dùng phòng, chống thiên tai	Cái	3
8	Máy vi tính xách/Máy tính bảng tay đảm bảo hoạt động tại hiện trường trong điều kiện thiên tai	Cái	3
9	Máy bay không người lái đáp ứng yêu cầu thu thập hình ảnh, tìm kiếm thông tin tiếp cận nơi đã, đang xảy ra thiên tai	Chiếc	1
10	Máy định vị vệ tinh, la bàn để định vị, định hướng các khu vực thiên tai, công trình phòng, chống thiên tai	Bộ	1
11	Màn hình theo dõi thông tin phòng, chống thiên tai	Cái	2
12	Thiết bị đo độ sâu khu vực xảy ra lũ, ngập lụt	Bộ	1
13	Thiết bị xác định khoảng cách	Bộ	1
14	Thiết bị thu ảnh mây vệ tinh phục vụ phân tích thiên tai	Bộ	1
15	Thiết bị thu và vẽ bản đồ thời tiết, thiên tai	Bộ	1
16	Trạm đo mưa tự động chuyên dùng phòng chống thiên tai và quản lý vận hành hồ chứa	Trạm	283
17	Trạm đo mực nước tự động chuyên dùng phòng chống thiên tai và quản lý vận hành hồ chứa	Trạm	283
18	Trạm đo lưu lượng tự động chuyên dùng phòng chống thiên tai và quản lý vận hành hồ chứa	Trạm	10
19	Máy phát điện loại 1 pha 5.5KVA (phục vụ việc quản lý đê khi thiên tai xảy ra)	Cái	2
20	Bộ máy thủy bình, chân máy, mia	Bộ	2
VII	Văn phòng đăng ký đất đai		

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
1	Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh		
1.1	IP Camera	Cái	30
1.2	Máy chủ tại tỉnh	Cái	14
1.3	Máy định vị GPS 2 tần số	Bộ	4
1.4	Máy đo đạc	Cái	5
1.5	Máy hút ẩm chuyên dụng	Cái	20
1.6	Máy in A3	Cái	20
1.7	Máy in màu A0	Cái	2
1.8	Máy quét A0	Cái	1
1.9	Máy quét A3 cuộn	Cái	12
1.10	Máy tính đồ họa	Bộ	40
1.11	Thiết bị định tuyến trung tâm	Cái	4
1.12	Thiết bị lưu trữ (NAS)	Cái	4
1.13	Thiết bị lưu trữ trung tâm (SAN Storage - Controller)	Cái	1
1.14	Thiết bị chuyển mạch	Cái	5
1.15	Tường lửa (firewall)	Cái	2
2	Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai		
2.1	Bộ chuyển mạch	Cái	24
2.2	Thiết bị định tuyến trung tâm	Cái	24
2.3	IP Camera	Cái	80
2.4	Máy định vị GPS 2 tần số (Máy RTK)	Cái	55
2.5	Máy đo đạc	Cái	60
2.6	Máy hút ẩm chuyên dụng	Cái	48
2.7	Máy in A3	Cái	70
2.8	Máy quét A3 cuộn	Cái	72
2.9	Máy tính đồ họa	Bộ	130
VIII	Trung tâm Quan trắc tài nguyên và Môi trường		
1	Thiết bị quan trắc hiện trường môi trường nước		
	<i>Thiết bị lấy mẫu hiện trường</i>		
1.2	Thiết bị lấy mẫu nước theo tầng kiểu Van Dorn hoặc Kammerer (loại ngang)	Cái	2
1.3	Thiết bị lấy mẫu nước theo tầng kiểu Van Dorn hoặc Kammerer (loại dọc)	Cái	2
1.4	Thiết bị lấy mẫu nước thải tự động	Cái	2
1.5	Thiết bị lấy mẫu bùn trầm tích thông thường (kiểu gầu Ekman)	Cái	2
1.6	Thiết bị lấy mẫu bùn trầm tích tầng sâu (kiểu gầu Van Veen), tời cầm tay	Cái	2

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
1.7	Bộ lấy mẫu thủy sinh (động vật nổi, thực vật nổi, động vật đáy)	Bộ	2
	- Động vật nổi: vợt chóp 30cm, lưới 20 μ m		
	- Thực vật nổi: vợt chóp 30cm, lưới 13-15 μ m		
	- Động vật đáy:		
	+ Vợt cầm tay, 30cm x 50cm, lưới 0,5 mm		
	+ Cào đáy tam giác đều 30cm, lưới 0,5 mm		
	+ Gầu Peterson, 22cm x 22cm		
	Thiết bị đo nhanh, phân tích tại hiện trường		
1.8	Thiết bị đo lưu tốc dòng chảy (kênh hở)	Cái	2
1.9	Thiết bị đo nhiệt độ, pH hiện trường	Bộ	2
1.10	Thiết bị đo độ dẫn điện (EC), tổng chất rắn hòa tan (TDS) hiện trường	Bộ	2
1.11	Thiết bị đo độ đục (NTU) hiện trường	Bộ	2
1.12	Thiết bị đo ôxy hòa tan (DO) hiện trường	Bộ	2
1.13	Bộ thiết bị đo chất lượng nước đa chỉ tiêu cầm tay	Bộ	1
	Thiết bị phụ trợ quan trắc hiện trường		
1.14	Máy định vị vệ tinh (GPS)	Cái	2
1.15	Máy vi tính xách tay đi hiện trường	Cái	1
1.16	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	2
1.17	Mát phát điện 1,5 KW	Cái	2
2	Thiết bị quan trắc hiện trường môi trường không khí		
	Thiết bị lấy mẫu hiện trường		
2.1	Bơm lấy mẫu khí SO ₂ , CO, NO ₂ theo phương pháp hấp thụ (lưu lượng thấp từ 0,5 - 2 lít/phút)	Cái	30
2.2	Thiết bị lấy mẫu bụi TSP (lưu lượng lớn 500 - 2000 lít/phút)	Cái	15
2.3	Thiết bị lấy mẫu bụi PM ₁₀ (PM _{2,5} , PM _{1,0}) kèm bộ cắt bụi PM ₁₀ (PM _{2,5} , PM _{1,0})	Cái	2
2.4	Thiết bị lấy mẫu khí thải và mẫu bụi ống khói theo Isokinetic	Bộ	2
	Thiết bị đo nhanh, phân tích tại hiện trường		
2.5	Máy đo độ ồn tích phân	Cái	2
2.6	Máy đo độ rung tích phân	Cái	2
2.7	Thiết bị đo khí thải ống khói	Bộ	2
2.8	Thiết bị đo nhiệt độ, áp suất, lưu tốc khí thải ống khói	Bộ	2
	Thiết bị phụ trợ quan trắc hiện trường		
2.9	Máy định vị vệ tinh (GPS)	Cái	2
2.10	Máy vi tính xách tay đi hiện trường	Cái	1

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
2.11	Máy ảnh đi hiện trường	Cái	2
2.12	Máy phát điện 1,5 KW	Cái	2
	<i>Thiết bị quan trắc, lấy mẫu chất thải rắn</i>		
2.13	Bộ dụng cụ lấy mẫu chất thải rắn	Bộ	2
2.14	Cân kỹ thuật hiện trường	Cái	2
2.15	Bộ khoan lấy mẫu chất thải rắn hiện trường	Cái	2
3	Thiết bị phân tích trong Phòng thí nghiệm		
	<i>Thiết bị phân tích</i>		
3.1	Máy quang phổ hấp thụ nguyên tử (AAS)	Cái	1
3.2	Máy quang phổ tử ngoại, khả kiến (UV-VIS)	Cái	1
3.3	Máy sắc ký ion IC - 2 kênh	Cái	1
3.4	Máy sắc ký khí (GC/ECD) hoặc máy sắc ký khí khối phổ (GC/MS)	Cái	1
3.5	Máy quang phổ hồng ngoại chuyển hóa Fourier (FTIR)	Cái	1
3.6	Thiết bị phân tích COD (bếp đun phá mẫu, máy so màu đồng bộ)	Bộ	1
3.7	Thiết bị phân tích BOD ₅ (chai BOD tiêu chuẩn, tủ ủ mẫu, máy sục khí...)	Bộ	1
3.8	Bộ phân tích TSS	Bộ	1
3.9	Thiết bị phân tích hàm lượng dầu trong nước tự động	Bộ	1
3.10	Máy cất nước 2 lần	Cái	1
3.11	Bể siêu âm	Cái	1
3.12	Bể điều nhiệt	Cái	1
3.13	Bộ chưng cất đạm	Cái	1
3.14	Bộ vô cơ hóa mẫu bằng nguyên lý vi sóng	Bộ	1
3.15	Thiết bị lọc nước siêu sạch	Cái	1
3.16	Tủ lạnh (sử dụng liên tục)	Cái	3
3.17	Tủ hút khí độc	Cái	6
3.18	Bộ cất phenol	Cái	1
3.19	Bộ cất Cyanua	Cái	1
3.20	Bộ cất quay chân không	Cái	1
3.21	Bộ chiết Soxhlet	Cái	1
3.22	Tủ ẩm	Cái	2
3.23	Tủ sấy loại to	Cái	1
3.24	Tủ sấy loại nhỏ	Cái	1
3.25	Bình hút ẩm	Cái	4
3.26	Máy ly tâm	Cái	1
3.27	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	2
3.28	Máy lắc đứng và ngang	Cái	2

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
3.29	Cân phân tích	Cái	1
3.30	Cân kỹ thuật	Cái	1
3.31	Lò nung	Cái	1
3.32	Bộ ổn nhiệt	Bộ	1
3.33	Tủ lạnh (sử dụng liên tục)	Cái	4
3.34	Tủ ấm	Cái	4
3.35	Tủ lạnh sâu	Cái	2
3.36	Tủ hút chân không	Cái	1
3.37	Tủ cấy vi sinh - Class II	Cái	1
3.38	Kính hiển vi soi nổi	Cái	1
3.39	Bộ đếm khuẩn lạc	Bộ	1
3.40	Tủ ấm vi sinh	Cái	1
3.41	Nồi hấp tiệt trùng	Cái	1
3.42	Bộ dụng cụ làm phân tích vi sinh	Bộ	1
3.43	Máy pH để bàn	Cái	1
3.44	Máy TDS/EC để bàn	Cái	1
3.45	Máy đo DO để bàn (có đầu đo cho phân tích BOD ₅)	Cái	1
	Thiết bị phụ trợ phòng thí nghiệm		
3.46	Tủ bảo quản mẫu	Cái	4
3.47	Máy Photocopy chuyên dùng	Cái	1
3.48	Máy tính để bàn chuyên dùng	Bộ	10
3.49	Máy tính xách tay chuyên dùng	Cái	5
3.50	Máy in chuyên dùng	Cái	7
3.51	Máy hút bụi	Cái	2
3.52	Ổn áp (3-10 KVA) cho hoạt động cả trạm	Cái	3
3.53	Máy bơm nước tăng áp	Cái	2
3.54	Máy hút ẩm	Cái	5
3.55	Hệ thống thiết bị bảo vệ trạm	Bộ	1
3.56	Hệ thống xử lý nước thải sau khi phân tích	Bộ	1
3.57	Hệ thống xử lý khí thải chung cho các tủ hút	Bộ	1
3.58	Máy phát điện loại 80 KVA (chỉ sử dụng khi mất điện)	Cái	1
3.59	Máy in màu	Cái	1
4	Trạm quan trắc môi trường không khí xung quanh tự động liên tục	Trạm	20
5	Trạm quan trắc môi trường nước tự động liên tục	Trạm	20
IX	Trung tâm Quy hoạch Nông nghiệp và Môi trường		

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
1	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	3
2	Máy định vị GPS cầm tay	Cái	20
3	Máy định vị GPS động tĩnh (RTK)	Bộ	7
4	Máy đo độ pH cầm tay	Cái	5
5	Máy in màu A ₀	Cái	3
6	Máy in màu A ₃	Cái	4
7	Máy photocopy A ₀	Cái	3
8	Máy phân tích các chỉ tiêu chính của đất	Cái	2
9	Máy quay camera	Cái	3
10	Máy thủy bình	Cái	3
11	Máy toàn đạc điện tử	Cái	5
12	Thiết bị bay không người lái (UAV) trong công tác khảo sát, đo đạc bản đồ	Bộ	3
X	Trung tâm Giống Nông nghiệp		
	Lĩnh vực giống cây trồng		
1	Máy sàng làm sạch và phân phối hạt giống	Cái	1
2	Bin sấy giống	Bộ	1
3	Tủ sấy	Cái	1
4	Bàn soi hạt giống	Cái	1
5	Bộ micro pipet (3 cây bộ) mức 0-10; 10-100; 100-1000 có tay bơm	Bộ	1
6	Buồng tiệt trùng dụng cụ	Cái	1
7	Cân phân tích hiện thị số	Cái	1
8	Máy cắt nước 1 lần	Cái	2
9	Máy kéo+ Mooc, giàn xới, chảo	Cái	1
10	Máy đo độ ẩm hạt	Cái	2
11	Máy phay đất, trộn đất tại luống, lên luống	Cái	2
12	Máy sấy 15 tấn trái/mẻ	Bộ	1
13	Máy sấy 5 tấn hạt/mẻ	Cái	1
14	Tủ đựng cây vô trùng 02 chỗ	Cái	7
15	Máy đo PH để bàn	Cái	1

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
16	Máy hút ẩm	Cái	1
17	Máy đo nhiệt độ và độ ẩm	Cái	1
18	Bàn đá sử dụng cho thí nghiệm	Cái	4
19	Kệ sắt giàn sáng	Cái	70
20	Máy phân tích đất	Cái	2
21	Nồi hấp tiệt trùng lò đứng	Cái	2
22	Máy lạnh cho phòng nuôi cấy mô	Cái	5
23	Máy ảnh kỹ thuật số	Cái	2
	Lĩnh vực giống vật nuôi, thủy sản		72
24	Lò tiêu hủy bệnh phẩm	Cái	2
25	Máy nghiền thức ăn gia súc	Cái	3
26	Máy cấy đất chuyên dùng	Cái	2
27	Máy cắt cỏ liên hợp (Cắt cỏ, băm cỏ, vận chuyển)	Cái	2
28	Tủ lạnh bảo quản thuốc vắc xin	Cái	5
29	Máy đếm nồng độ tinh trùng	Cái	4
30	Máy siêu âm thai	Cái	2
31	Kính hiển vi (Gồm kính, camera và màn hình)	Bộ	6
32	Máy bơm giếng khoan từ 5,5HP	Hệ thống	5
33	Máy đo độ dày mỡ lưng	Cái	3
34	Xe đẩy điều trị heo con 5 trong 1	Chiếc	3
35	Máy siêu âm thai	Cái	5
36	Máy phát điện 3 pha	Cái	4
37	Hệ thống phân tích tinh	Cái	2
38	Máy đóng tinh tự động	Cái	2
39	Bình chứa Nito lỏng YDS-35-80	Cái	3
40	Máy chẩn đoán thai Preg-Tone	Cái	3
41	Máy xúc lật gầu nhỏ 0,5m ³	Cái	2
42	Máy xúc lật gầu nhỏ 0,8m ³	Cái	2
43	Bộ cân xe tải 60 tấn	Cái	2
44	Máy trộn thức ăn cho bò TMR kèm máy kéo	Cái	2
45	Máy băm cỏ 9Z-15	Cái	2
46	Máy thu hoạch cỏ liên hoàn	Cái	2
47	Máy đảo phân	Cái	2
48	Máy chưng nước cất	Cái	2
XI	Trung tâm chuyển đổi số Nông nghiệp và Môi trường		
1	Máy vi tính để bàn chuyên dùng (phục vụ cập nhật cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường)	Bộ	5
2	Máy tính xách tay (phục vụ đi hiện trường xây dựng cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường)	Bộ	3

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
3	Máy in A3 (phục vụ cung cấp dữ liệu nông nghiệp và môi trường)	Bộ	1
4	Máy scan A4 (số hóa dữ liệu nông nghiệp và môi trường)	Bộ	1
5	Máy scan A3 (số hóa dữ liệu nông nghiệp và môi trường)	Bộ	1
6	Tivi giám sát	Cái	1
7	Hệ thống ổ cứng lưu trữ ngoài	Bộ	1
8	Hệ thống sao lưu dữ liệu	Bộ	1
9	Thiết bị tường lửa	Bộ	2
10	Thiết bị chuyển mạch lõi	Bộ	1
11	Thiết bị chuyển mạch lớp	Bộ	2
12	Access Point Meraki	Bộ	3
13	Thiết bị lưu trữ	Bộ	1
14	Máy chủ	Bộ	2
15	Tủ đĩa	Bộ	2
16	Thiết bị lưu điện dự phòng	Cái	1
17	Kinan XL	Cái	1
18	Rack 42U + PDU	Bộ	1
19	Rack 10U + PDU	Bộ	2
20	Patch Panel 24P	Bộ	2
XII	Các Ban quản lý Rừng phòng hộ		
1	Camera chuyên dụng giám sát hành trình	Cái	5
2	Ống nhòm	Cái	3
3	Máy cắt thực bì	Cái	4
4	Máy vi tính xách tay chuyên dùng (phục vụ xử lý bản đồ cắt lớp, GIS theo dõi diễn biến tài nguyên rừng)	Cái	2
5	Máy cưa xích động cơ xăng	Cái	2
6	Máy chữa cháy rừng quạt bằng sức gió	Hệ thống	4
7	Flycam	Cái	1
8	Máy định vị cầm tay GPS	Cái	6
9	Bình chữa cháy đeo vai	Cái	2
10	Máy thổi gió đeo vai	Cái	3
11	Máy bẫy ảnh	Cái	2
12	Máy tính bảng chuyên dùng (phục vụ quản lý, bảo vệ diện tích rừng)	Chiếc	5
XIII	Vườn Quốc gia Kon Ka Kinh		
1	Máy vi tính cấu hình cao dùng để chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ QLVR, PCCCR (chuyên dùng để xử lý bản đồ, phần mềm Smart, phần mềm QLVR....)	Cái/Bộ	10

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
2	Máy in laser (máy in màu) chuyên dùng	Cái	10
3	Máy photocopy chuyên dùng	Cái	2
4	Máy scan chuyên dùng	Cái	2
5	Máy fax chuyên dùng	Cái	15
6	Hệ thống cảnh báo cháy rừng	Hệ thống	2
7	Máy định vị bảo vệ rừng	Cái	50
8	Ống nhôm	Cái	40
9	Ti vi tuyên truyền QLBR	Bộ	20
10	Máy chụp ảnh	Cái	20
11	Ống kính (Tele) chụp cận cảnh	Ống	2
12	Ống kính tele chụp xa phục vụ điều tra, giám sát đa dạng sinh học, QLBR	Ống	2
13	Máy bẫy ảnh	Cái	50
14	Máy chiếu	Bộ	5
15	Loa	Bộ	5
16	Micro tuyên truyền	Bộ	5
17	Âm ly	Bộ	5
18	Điện thoại để cài đặt phần mềm QLBR	Bộ	20
19	Máy quay phim (loại lớn, chuyên dụng)	Máy	2
20	Máy thổi gió phục vụ công tác chữa cháy rừng	Máy	20
21	Bình chữa cháy	Bình	20
22	Thiết bị Flycam	Bộ	20
23	Máy cưa động cơ xăng	Cái	20
24	Máy cắt thực bì/cắt cỏ	Cái	20
25	Máy bơm cứu hỏa (Máy bơm chữa cháy)	Cái	5
26	Tủ đông bảo quản	Cái	5
27	Hệ thống lọc nước	Hệ thống	15
28	Máy bộ đàm	Máy	20
29	Máy đo chiều cao cây rừng	Máy	5
30	Tủ chống ẩm loại lớn	Tủ	15
31	Trạm phát điện/Trạm biến áp	Trạm	5
32	Máy sấy tiêu bản	Máy	10
33	Máy hút ẩm	Máy	10
34	Tủ đựng tiêu bản thực vật	Tủ	50
35	Máy tính bảng dùng để sử dụng chuyển đổi số và ứng dụng khoa học công nghệ QLBR, PCCCR	Cái	20
36	Hệ thống Camera tích hợp AI giám sát cháy rừng và phần mềm quản lý chuyên dụng	Hệ thống	1

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
37	Thiết bị thu âm ứng dụng trong giám sát đa dạng sinh học và bảo vệ rừng (Thiết bị và phần mềm)	Hệ thống	1
38	Trang thiết bị cho nhà nuôi cấy mô		
	<i>Bàn thao tác chung</i>		
38.1	Bàn thí nghiệm trung tâm	Bàn	4
38.2	Máy cất nước 1 lần 5 lít/giờ	Cái	4
38.3	Nồi hấp 100 lít (hiện số, tự động hoàn toàn)	Cái	4
38.4	Tủ sấy để bàn	Cái	4
38.5	Xe đẩy dụng cụ	Cái	4
	<i>Khu vực rửa sấy</i>		
38.6	Kệ cố định	Cái	4
38.7	Bàn áp tường có 1 chậu rửa	Cái	4
	<i>Phòng chuẩn bị môi trường</i>		
38.8	Bàn xét nghiệm	Cái	6
38.9	Cân phân tích	Cái	4
38.10	Cân kỹ thuật	Cái	4
38.11	Máy đo pH/mV/ISE/nhiệt độ để bàn điện tử hiện số	Cái	4
38.12	Máy khuấy từ gia nhiệt	Cái	4
38.13	Tủ mát dung tích 500 lít	Cái	4
38.14	Bếp hồng ngoại	Cái	4
	<i>Phòng cấy vô trùng</i>		
38.15	Bàn xét nghiệm	Cái	4
38.16	Tủ cấy Vi Sinh dòng khí thổi đứng (2 người ngồi đối diện)	Cái	4
38.17	Máy hút ẩm công nghiệp	Cái	4
38.18	Máy lạnh	Cái	4
38.19	Kính hiển vi soi nổi	Cái	4
XIV	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị/Phòng Kinh tế thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường		
1	Thiết bị đo đạc trắc địa (Máy định vị GPS/GNSS, Máy GPS RTK, Máy toàn đạc...)	Cái	1
2	Máy vi tính chuyên dùng (Phục vụ công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Cái	1
3	Máy in màu A3 (Phục vụ công tác in cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)	Bộ	1
4	Máy scan A3	Cái	1
5	Máy photocopy A3	Cái	1
6	Thiết bị giám sát bay điều khiển từ xa (Flycam)	Cái	1
7	Máy thổi gió chữa cháy rừng	Cái	2

STT	Máy móc, thiết bị chuyên dùng	Đơn vị tính	Số lượng tối đa
8	Tủ lạnh bảo quản Vắc xin	Cái	1
9	Máy phun thuốc khử trùng động cơ xăng	Cái	1
10	Máy đo COD và đa chỉ tiêu nước	Cái	1
11	Máy đo độ đục	Cái	1
12	Máy đo độ rung	Cái	1
13	Máy đo khí cầm tay đa chỉ tiêu	Cái	1
14	Máy đo khí độc cầm tay	Cái	1
15	Máy đo khí hydrocacbon (HC)	Cái	1
16	Máy đo nồng độ bụi	Cái	1
17	Máy đo nồng độ CO ₂ trong không khí	Cái	1
18	Máy đo Oxy hòa tan và BOD	Cái	1
19	Máy đo độ PH	Cái	1
20	Máy đo độ ổn tích phân	Cái	1